

## TỪ HÁN VIỆT (tiếp theo)

### I – SỬ DỤNG TỪ HÁN VIỆT

#### 1. Sử dụng từ Hán Việt để tạo sắc thái biểu cảm

a) Tại sao các câu văn dưới đây dùng các từ Hán Việt (in đậm) mà không dùng các từ ngữ thuần Việt có nghĩa tương tự (ghi trong ngoặc đơn) ?

– *Phụ nữ Việt Nam anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang.* (đàn bà)

– Cụ là nhà cách mạng lão thành. Sau khi cụ **tử trận**, nhân dân địa phương đã **mai táng** cụ trên một ngọn đồi. (chết, chôn)

– Bác sĩ đang khám **tử thi**. (xác chết)

b) Các từ Hán Việt (in đậm) tạo được sắc thái gì cho đoạn văn trích dưới đây ?  
Yết Kiêu đến **kinh đô** Thăng Long, **yết kiến** vua Trần Nhân Tông.

Nhà vua : **Trẫm** cho nhà ngươi một loại binh khí.

Yết Kiêu : Tàu **bệ hạ**, **thần** chỉ xin một chiếc dùi sắt.

Nhà vua : Để làm gì ?

Yết Kiêu : Để dùi thủng chiến thuyền của giặc, vì **thần** có thể lặn hàng giờ dưới nước.

(Theo Chuyện hay sử cũ)

### **Ghi nhớ**

Trong nhiều trường hợp, người ta dùng từ Hán Việt để :

- Tạo sắc thái trang trọng, thể hiện thái độ tôn kính ;
- Tạo sắc thái tao nhã, tránh gây cảm giác thô tục, ghê sợ ;
- Tạo sắc thái cổ, phù hợp với bầu không khí xã hội xa xưa.

## **2. Không nên lạm dụng từ Hán Việt**

Theo em, trong mỗi cặp câu dưới đây, câu nào có cách diễn đạt hay hơn ?  
Vì sao ?

a) – Kì thi này con đạt loại giỏi. Con **đề nghị** mẹ thưởng cho con một phần thưởng xứng đáng !

– Kì thi này con đạt loại giỏi, mẹ thưởng cho con một phần thưởng xứng đáng nhé !

b) – Ngoài sân, **nhi đồng** đang vui đùa.

– Ngoài sân, trẻ em đang vui đùa.

### **Ghi nhớ**

*Khi nói hoặc viết, không nên lạm dụng từ Hán Việt, làm cho lời ăn tiếng nói thiếu tự nhiên, thiếu trong sáng, không phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.*

## II – LUYỆN TẬP

1. Em chọn từ ngữ nào trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống ?

- (thân mẫu, mẹ) :   
    *Công cha như núi Thái Sơn,  
    Nghĩa ... như nước trong nguồn chảy ra.*
- (phu nhân, vợ) :   
    *Nhà máy dệt kim Vinh mang tên Hoàng Thị Loan –  
    ... Chủ tịch Hồ Chí Minh.*
- (lâm chung, sắp chết) :   
    *Tham dự buổi chiêu đãi có ngài đại sứ và ...  
    Thuận ... thuận chồng tát bể Đông cũng cạn.*
- (lâm chung, sắp chết) :   
    *Con chim ... thì tiếng kêu thương,  
    Con người ... thì lời nói phải.*
- (giáo huấn, dạy bảo) :   
    *Lúc ... ông cụ còn dặn dò con cháu  
    phải thương yêu nhau.*
- (giáo huấn, dạy bảo) :   
    *Mọi cán bộ đều phải thực hiện lời ... của  
    Chủ tịch Hồ Chí Minh : cần, kiệm, liêm, chính,  
    chí công vô tư.*
- (giáo huấn, dạy bảo) :   
    *Con cái cần phải nghe lời ... của cha mẹ.*

2. Tại sao người Việt Nam thích dùng từ Hán Việt để đặt tên người, tên địa lí ?

3. Đọc đoạn văn sau đây trong *Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy*, tìm những từ ngữ Hán Việt góp phần tạo sắc thái cổ xưa.

Lúc bấy giờ Triệu Đà làm chúa đất Nam Hải. Mấy lần Đà đem quân sang cướp đất Âu Lạc, nhưng vì An Dương Vương có nỏ thần, quân Nam Hải bị giết hại rất nhiều, nên Đà đành cố thủ đợi cơ hội khác. Triệu Đà thấy dùng binh không lợi, bèn xin giảng hoà với An Dương Vương, và sai con trai là Trọng Thủy sang cầu thân, nhưng chú ý tìm cách phá chiếc nỏ thần.

Trong những ngày đi lại để kết tình hoà hiếu, Trọng Thủy gặp được Mị Châu, một thiếu nữ mây ngài mắt phượng, nhan sắc tuyệt trần, con gái yêu của An Dương Vương.

(Theo Vũ Ngọc Phan)

4. Nhận xét về việc dùng các từ Hán Việt (in đậm) trong những câu sau :

– Em đi xa nhớ **bảo vệ** sức khoẻ nhé !

– Đồ vật làm bằng gỗ tốt thì sử dụng được lâu dài. Còn những đồ làm bằng gỗ xấu dù làm rất cầu kì, **mĩ lệ** thì cũng chỉ dùng được trong một thời gian ngắn.

Hãy dùng các từ thuần Việt thay thế các từ Hán Việt trên cho phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp bình thường.